

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Đầu tư NHV

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 19

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1703000450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 1 năm 2009. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4600483821 ngày 21 tháng 1 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21 tháng 12 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ nội địa và cho thuê kho bãi, mua bán thiết bị máy tính và linh kiện điện tử, viễn thông.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tháp C, khu hỗn hợp cao tầng văn phòng - dịch vụ thương mại và nhà ở, số 219 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Văn Sản	Thành viên
Ông Lê Minh Phương	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Huyền Trang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Đoàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thành viên

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lưu Quang Thịnh.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lưu Quang Thịnh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư NHV (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lưu Quang Thịnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61344754/23048183

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư NHV

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư NHV ("Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 19, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Đỗ Đức Hiếu
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4663-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 7 tháng 4 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		60.590.221.691	56.649.906.726
110	I. Tiền		544.053.427	4.129.416
111	1. Tiền	4	544.053.427	4.129.416
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		59.833.651.000	56.262.619.055
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	5.673.651.000	5.050.090.335
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	1.155.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	-	46.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	54.160.000.000	5.211.373.720
140	III. Hàng tồn kho		182.952.871	182.952.871
141	1. Hàng tồn kho		182.952.871	182.952.871
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác	9	29.564.393	200.205.384
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	168.537.519
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		29.564.393	31.667.865
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		-	4.316.134
260	I. Tài sản dài hạn khác		-	4.316.134
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	4.316.134
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		60.590.221.691	56.654.222.860

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.107.253.918	4.440.984.773
310	I. Nợ ngắn hạn		2.107.253.918	4.440.984.773
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	8	431.312.300	3.049.689.473
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	1.228.732.717	821.876.078
314	3. Phải trả người lao động		-	270.976.559
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	10	204.438.152	204.438.152
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	11	242.770.749	94.004.511
330	II. Nợ dài hạn	12	1.000.000.000	-
338	1. Vay dài hạn		1.000.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		57.482.967.773	52.213.238.087
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	57.482.967.773	52.213.238.087
411	1. Vốn cổ phần		32.236.000.000	32.236.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		32.236.000.000	32.236.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25.246.967.773	19.977.238.087
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		19.977.238.087	17.603.437.712
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		5.269.729.686	2.373.800.375
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		60.590.221.691	56.654.222.860

Mai Thị Hiền
Người lập

Mai Thị Hiền
Kế toán trưởng



Lưu Quang Thịnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	14.1	5.157.864.545	-
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp		(130.110.000)	-
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		5.027.754.545	-
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	14.2	1.703.304.914	4.201.658.279
22	5. Chi phí tài chính		(70.118.924)	-
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	(414.242.252)	(756.209.417)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.246.698.283	3.445.448.862
31	8. Thu nhập khác		-	-
32	9. Chi phí khác		(102.430.838)	(142.251.684)
40	10. Lỗ khác		(102.430.838)	(142.251.684)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.144.267.445	3.303.197.178
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.1	(874.537.759)	(929.396.803)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.269.729.686	2.373.800.375
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.5	1.635	736
71	15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	13.5	1.635	736



Mai Thị Hiên
Người lập



Mai Thị Hiên
Kế toán trưởng



Lưu Quang Thịnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		6.144.267.445	3.303.197.178
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	14.2	(1.703.304.914)	(4.201.658.279)
08	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.440.962.531	(898.461.101)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(53.683.108.182)	814.630.260
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(2.333.730.855)	266.457.856
12	Giảm chi phí trả trước		4.316.134	26.146.197
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	9	(793.425.742)	(240.307.031)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(52.364.986.114)	(31.533.819)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
24	Tiền thu hồi cho vay		46.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		5.904.910.125	53.068
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		51.904.910.125	53.068
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	12	1.000.000.000	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.000.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		539.924.011	(31.480.751)
60	Tiền đầu năm		4.129.416	35.610.167
70	Tiền cuối năm	4	544.053.427	4.129.416


Mai Thị Hiền
Người lập


Mai Thị Hiền
Kế toán trưởng



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1703000450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 1 năm 2009. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4600483821 ngày 21 tháng 1 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21 tháng 12 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ nội địa và cho thuê kho bãi, mua bán thiết bị máy tính và linh kiện điện tử, viễn thông.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tháp C, khu hỗn hợp cao tầng văn phòng - dịch vụ thương mại và nhà ở, số 219 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 4 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 9).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho là hàng hóa với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.6 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.8 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.9 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.10 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.11 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	12.549.945	1.842.977
Tiền gửi ngân hàng	531.503.482	2.286.439
TỔNG CỘNG	544.053.427	4.129.416

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Ecapital (tên trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý tài sản Dzambala)	5.673.651.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hạ tầng Cơ sở	-	5.050.090.335
TỔNG CỘNG	5.673.651.000	5.050.090.335

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Số dư phải thu về cho vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các khoản cho vay tín chấp các cá nhân với thời hạn 12 tháng và hưởng lãi suất là 8,7%/năm. Các khoản phải thu này đã được thu hồi toàn bộ trong năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng (*)	54.160.000.000	394.287.359
Lãi cho vay	-	4.201.605.211
Khác	-	615.481.150
TỔNG CỘNG	54.160.000.000	5.211.373.720
<i>Trong đó:</i>		
<i> Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 18)</i>	<i>54.160.000.000</i>	<i>394.287.359</i>
<i> Phải thu từ bên khác</i>	<i>-</i>	<i>4.817.086.361</i>

(*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là khoản tạm ứng cho Ông Lưu Quang Thịnh - Tổng Giám đốc Công ty để thực hiện đầu tư tài chính và đầu tư các dự án trong ngành đào tạo tiếng Anh, đào tạo kỹ năng sống cho trẻ em và bất động sản giáo dục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Giải pháp Công Nghệ Số	100.000.000	1.100.000.000
Công ty TNHH Dương Lan Anh	140.000.000	250.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hạ tầng Cơ sở	-	1.529.006.962
Khác	191.312.300	170.682.511
TỔNG CỘNG	431.312.300	3.049.689.473

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp/bù trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	494.282.141	(168.537.519)	325.744.622
Thuế thu nhập doanh nghiệp	821.876.078	874.537.759	(793.425.742)	902.988.095
TỔNG CỘNG	821.876.078	1.368.819.900	(961.963.261)	1.228.732.717
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải thu trong năm</i>	<i>Số đã thu/bù trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	168.537.519	-	(168.537.519)	-
Thuế thu nhập cá nhân	31.464.392	-	(1.899.999)	29.564.393
Các loại thuế khác	203.473	-	(203.473)	-
TỔNG CỘNG	200.205.384	-	(170.640.991)	29.564.393

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả chi phí mua thiết bị	204.438.152	204.438.152
TỔNG CỘNG	204.438.152	204.438.152

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Kinh phí công đoàn	6.150.200	6.150.200
Các loại bảo hiểm phải trả	151.800.350	86.048.000
Phải trả, phải nộp khác	84.820.199	1.806.311
TỔNG CỘNG	242.770.749	94.004.511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. VAY DÀI HẠN

Đây là khoản vay tín chấp trong vòng 24 tháng từ Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax. Khoản vay này chịu lãi suất là 8%/năm với kỳ hạn trả nợ gốc và lãi vào ngày 3 tháng 4 năm 2023.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước			
Số đầu năm	32.236.000.000	17.603.437.712	49.839.437.712
Lợi nhuận thuần trong năm	-	2.373.800.375	2.373.800.375
Số cuối năm	<u>32.236.000.000</u>	<u>19.977.238.087</u>	<u>52.213.238.087</u>
Năm nay			
Số đầu năm	32.236.000.000	19.977.238.087	52.213.238.087
Lợi nhuận thuần trong năm	-	5.269.729.686	5.269.729.686
Số cuối năm	<u>32.236.000.000</u>	<u>25.246.967.773</u>	<u>57.482.967.773</u>

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành Quyết định số 1412/2021/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 12 năm 2021 thông qua việc chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu cho các cổ đông với tỷ lệ thực hiện quyền là 1:0,6 (mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được hưởng 0,6 cổ phiếu mới phát hành). Tại ngày lập báo cáo tài chính này, việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu chưa được hoàn thành.

13.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	3.223.600	3.223.600	-	3.223.600	3.223.600	-
TỔNG CỘNG	<u>3.223.600</u>	<u>3.223.600</u>	<u>-</u>	<u>3.223.600</u>	<u>3.223.600</u>	<u>-</u>

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm và cuối năm	32.236.000.000	32.236.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.4 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm Số lượng</i>	<i>Số đầu năm Số lượng</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	3.223.600	3.223.600
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.223.600	3.223.600
Cổ phiếu phổ thông	3.223.600	3.223.600
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	3.223.600	3.223.600
Cổ phiếu phổ thông	3.223.600	3.223.600
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10.000 VND/cổ phiếu). Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán UPCOM với mã chứng khoán là NHV.

13.5 Lãi trên cổ phiếu

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	5.269.672.130	2.373.800.375
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.223.600	3.223.600
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.635	736

14. DOANH THU

14.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ việc thực hiện dịch vụ tư vấn đầu tư cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Ecapital theo Hợp đồng số 1006/2021/HĐDVTV/NHV-ECAPITAL ngày 10 tháng 6 năm 2021. Doanh thu ghi nhận trong năm 2021 bằng 1,5% tổng giá trị đầu tư thực hiện.

14.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi cho vay	1.703.289.016	4.201.605.211
Lãi tiền gửi	15.898	53.068
TỔNG CỘNG	1.703.304.914	4.201.658.279

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	316.849.399	694.497.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.028.355	26.025.177
Chi phí khác	93.364.498	35.686.743
TỔNG CỘNG	414.242.252	756.209.417

16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên quản lý	446.959.399	694.497.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.028.355	26.025.177
Chi phí khác	93.364.498	35.686.743
TỔNG CỘNG	544.352.252	756.209.417

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

17.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	874.537.759	689.089.772
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	240.307.031
TỔNG CỘNG	874.537.759	929.396.803

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

17.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.144.267.445	3.303.197.178
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	1.228.853.489	660.639.436
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các chi phí không được trừ	20.486.167	28.450.336
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	240.307.031
Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP của Chính phủ	(374.801.897)	-
Chi phí thuế TNDN	874.537.759	929.396.803

17.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

18. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Lưu Quang Thịnh	Tổng Giám đốc	Tạm ứng Kết chuyển tạm ứng sang phải thu cho vay bà Phan Thị Thanh Huyền	54.160.000.000	- - 18.000.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu với bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Ông Lưu Quang Thịnh	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	54.160.000.000	394.287.359
TỔNG CỘNG			54.160.000.000	394.287.359

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của Ban Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Lưu Quang Thịnh	Tổng Giám đốc	-	40.000.000
TỔNG CỘNG		-	40.000.000

19. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM


Như được trình bày tại Thuyết minh số 7, số dư khoản tạm ứng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 với số tiền là 54,16 tỷ VND đã được Công ty thu hồi toàn bộ bằng tiền đến ngày 3 tháng 3 năm 2022.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính của Công ty.


Mai Thị Hiền
Người lập


Mai Thị Hiền
Kế toán trưởng




Lưu Quang Thịnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022